

Số: 89/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước
tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quy hoạch tài nguyên nước;

Xét Tờ trình Số 78/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Báo cáo thẩm tra số 18/BC-KTNS ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm quy hoạch:

Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng năm 2030 phải phù hợp với chiến lược quốc gia về tài nguyên nước; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; quy hoạch phân bổ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2020 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh, quy hoạch các huyện, thành phố..., đảm bảo không chồng chéo giữa các quy hoạch với nhau.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo hướng phát triển bền vững. Bảo vệ các hệ sinh thái phụ thuộc vào nước, các chức năng quan trọng của nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang.

- Làm cơ sở để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các ngành có hoạt động khai thác, sử dụng và phát triển nguồn nước.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Bảo vệ nguồn sinh thủy:

+ Bảo vệ và phát triển rừng: Đến năm 2020 duy trì, phát triển và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ 255.053,9ha, trong đó diện tích có rừng 196.114,2ha; chưa có rừng 58.939,7ha; đến năm 2030 duy trì, phát triển và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, đảm bảo độ che phủ rừng trên 60%.

+ Bảo vệ hồ, đập: Khoanh định hành lang bảo vệ và vận hành đúng quy trình 45 hồ chứa, 11 hồ, đập thủy điện hiện có trên địa bàn tỉnh để bảo vệ chức năng của các hồ, đập ưu tiên các hồ, đập đang cấp nước đa mục tiêu. Tiến hành tu bổ, sửa chữa 13 hồ chứa thủy lợi đang bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh. Khoanh định hành lang bảo vệ và vận hành đúng quy trình 03 hồ chứa mới theo quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Giang. Đến năm 2030 tiếp tục duy trì bảo vệ các công trình hồ, đập sẵn có trên địa bàn tỉnh, tiến hành tu bổ, sửa chữa 05 hồ chứa thủy lợi. Khoanh định hành lang bảo vệ và vận hành đúng quy trình 01 hồ chứa mới theo quy hoạch.

+ Bảo vệ miền cấp nước dưới đất: đến năm 2025 bảo vệ 09 khu vực miền cấp cho nước dưới đất với diện tích 857,5km². Đến năm 2030 đảm bảo duy trì 09 khu vực miền cấp nước dưới đất và bảo vệ các khu vực còn lại.

- Phòng ngừa suy thoái cạn kiệt nguồn nước dưới đất:

+ Đến năm 2025 đảm bảo mực nước dưới đất không vượt quá ngưỡng giới hạn cho phép đến chiều sâu mực nước so với mặt đất tại thành phố Hà Giang 34,6 m, tại thị trấn Đồng Văn 38,26 m.

+ Đến năm 2030 kiểm soát tình trạng khai thác nước dưới đất tại các khu vực bổ sung công trình khai thác nước lớn.

- Bảo vệ chất lượng nước mặt:

+ Đến năm 2025 đảm bảo xử lý 80% tổng lượng nước thải (74,56 triệu m³/năm) trước khi đổ ra sông suối. Kiểm soát chặt chẽ các sông, suối có chất lượng nước đang bị ô nhiễm.

+ Đến năm 2030 đảm bảo xử lý 90% tổng lượng nước thải (75,78 triệu m³/năm) trước khi đổ ra sông suối. Tiếp tục duy trì chất lượng nước các sông, suối có chất lượng nước tương đối tốt.

- Bảo vệ chất lượng các tầng chứa nước:

+ Đến năm 2025 xây dựng các công trình xử lý nước dưới đất trước khi đưa vào sử dụng tại những khu vực ô nhiễm chất lượng nước dưới đất. Hạn chế và giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất tại những khu vực tập trung khai thác nước dưới đất. Xây dựng mạng lưới giám sát chất lượng nước trong quá trình khai thác.

+ Đến năm 2030 duy trì chất lượng nước dưới đất tại các khu vực nêu trên và bảo vệ các tầng chứa nước có lượng nước tốt.

- Bảo vệ nguồn nước cần bảo tồn:

+ Đến năm 2025 kiểm soát các hoạt động làm suy thoái, ô nhiễm nguồn nước, khoanh định và cấm mốc phạm vi bảo vệ 14 nguồn nước cần bảo tồn liên quan đến tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

+ Đến năm 2030 tiếp tục duy trì, bảo vệ các nguồn nước nêu trên.

- Mạng giám sát chất lượng nước, xả nước thải vào nguồn nước:

+ Đến năm 2025 xây dựng 22 điểm quan trắc giám sát chất lượng nước mặt và 10 điểm quan trắc nước dưới đất.

+ Đến năm 2030 xây dựng bổ sung 19 điểm quan trắc nước mặt và 6 điểm quan trắc nước dưới đất.

3. Một số giải pháp cơ bản:

a) Giải pháp về quản lý nhà nước:

- Ban hành các quy định phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, phù hợp với đặc điểm tài nguyên nước và công tác quản lý nhà nước của tỉnh;

- Tăng cường hợp tác chia sẻ và bảo vệ nguồn nước xuyên biên giới và nguồn nước liên tỉnh tuân thủ Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã được ký kết ngày 18/11/2009;

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, đặc biệt là chính quyền địa phương trong quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên nước, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên nước đến mọi tổ chức, cá nhân, khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả bảo vệ nguồn nước...;

- Công khai các thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm và các nguồn nước bị ô nhiễm cho nhân dân biết và phát huy sức mạnh cộng đồng trong theo dõi, giám sát các hoạt động bảo vệ nguồn nước.

b) Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi tài nguyên nước:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp Bình Vàng, cụm công nghiệp Nam Quang; xây dựng trạm xử lý rác thải tại khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy; xây dựng, xử lý nước thải, rác thải thành phố và các thị trấn (*trung tâm huyện lỵ*) trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, đặc biệt là các nguồn nước xuyên biên giới ở Thanh Thủy, suối Đò, sông Miện, sông Nho Quế... và các nguồn nước liên tỉnh như sông Gâm chảy từ Cao Bằng sang;

- Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước tỉnh Hà Giang;

- Áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và phát sinh ít nước thải; ứng dụng công nghệ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước và nâng cao hiệu suất sử dụng nước;

- Xây dựng vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai thác và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; lập danh mục nguồn nước không được san lấp làm cơ sở cho công tác quản lý tại địa phương;

- Duy trì và phát triển diện tích rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước, nguồn sinh thủy quan trọng; đồng thời rà soát, chuyển một số diện tích đất rừng sản xuất thành rừng đầu nguồn để đảm bảo nguồn sinh thủy cho các hồ chứa;

- Điều tra, đánh giá thực trạng trữ lượng nguồn tài nguyên nước các giếng khoan phục vụ cho việc lập dự án khai thác, sử dụng nước giếng khoan trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các nguồn nước quan trọng có ý nghĩa khai thác sử dụng và nguồn nước linh thiêng;

- Điều tra, đánh giá xác định các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất khỏi nguy cơ ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt nước dưới đất;

- Xây dựng các đới phòng hộ vệ sinh cho các công trình đang khai thác nước dưới đất; trám lấp các giếng khoan không sử dụng;

- Xây dựng công trình thu gom nước mưa, nước mặt bổ sung cho nước dưới đất để cải thiện chất lượng nước bị ô nhiễm, tăng cường khả năng đáp ứng của nguồn nước cho các hoạt động dân sinh, phát triển kinh tế;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;

- Đảm bảo độ che phủ cây xanh tại các khu đô thị để duy trì, cân bằng nguồn nước ngầm; hạn chế tối đa việc chuyển đổi đất rừng ở thượng lưu nguồn nước các sông nội tỉnh, sông liên tỉnh.

c) Giải pháp phi công trình:

- Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhằm tăng tác dụng phòng hộ và khả năng cung cấp nước cho các sông suối. Thực hiện tốt các giải pháp trong quy Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011 - 2020 ban hành theo quyết định 1981/QĐ-UBND ngày 19 tháng 09 năm 2013;

- Hỗ trợ trồng rừng, bảo vệ rừng theo các chương trình của Chính phủ và của tỉnh;

- Thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng;

- Quản lý việc cấp phép khoan giếng, khai thác nước các giếng đúng quy định; trám lấp các giếng khoan không sử dụng làm ảnh hưởng, ô nhiễm nước ngầm;

- Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ sinh học vào chăn nuôi để xử lý chất thải, không gây ô nhiễm nước mặt;

- Triển khai tuyên truyền cho nhân dân sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật đúng quy trình, xử lý bao bì sau khi sử dụng tránh làm gây ô nhiễm nguồn nước mặt;

- Ứng dụng công nghệ sinh học, xử lý nước sinh hoạt các hồ treo vùng cao;

- Tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tài nguyên nước, đầu tư một số chương trình dự án, đề án ưu tiên;

- Huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và kêu gọi sự tham gia đầu tư của các cá nhân doanh nghiệp để thúc đẩy quá trình thực hiện các dự án, đề án ưu tiên.

4. Kinh phí thực hiện quy hoạch:

a) Kinh phí thực hiện: 75,5 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, huy động nguồn vốn xã hội hóa dưới nhiều hình thức khác nhau.

c) Hình thức đầu tư: Hợp tác công - tư (PPP) hoặc lồng ghép với các chương trình, dự án của Trung ương, tổ chức quốc tế, quy hoạch ngành, lĩnh vực, chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Danh mục nhiệm vụ: 09 nhiệm vụ (có Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2017.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch và tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, Kỳ họp thứ Năm thông qua. *vt*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu, UBTWQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- LĐ VP Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. *vt*



Thảo Hồng Sơn

PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết 90/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Khái toán kinh phí (triệu đồng) |
|----------|---|---------------------|----------------|-----------------|---------------------------|---------------------------------|
| I | Giai đoạn đến năm 2025: | | | | | 65.500 |
| 1 | Nhiệm vụ tuyên truyền, cập nhật pháp luật về tài nguyên nước | 2017 - 2018 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 500 |
| 2 | Xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước tỉnh Hà Giang phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên nước | 2018-2019 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 9.000 |
| 3 | Rà soát điều chỉnh quy hoạch phân bổ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang | 2019-2020 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 4.000 |
| 4 | Điều tra, đánh giá thực trạng trữ lượng nguồn tài nguyên nước các giếng khoan phục vụ cho việc lập dự án khai thác, sử dụng nước giếng khoan trên địa bàn tỉnh Hà Giang | 2017-2020 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 15.000 |
| 5 | Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước | 2018-2019 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 8.000 |
| 6 | Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cắm mốc hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang | 2020-2022 | NSTW | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 14.000 |
| 7 | Điều tra, đánh giá xác định vùng cấm, hạn chế và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất | 2018-2019 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 15.000 |

| STT | Tên nhiệm vụ | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Khái toán kinh phí (triệu đồng) |
|-----------|---|---------------------|----------------|-----------------|---------------------------|---------------------------------|
| | khỏi nguy cơ ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt nước dưới đất | | | | | |
| II | Giai đoạn đến 2030: | | | | | 10.000 |
| 8 | Xây dựng các đới phòng hộ vệ sinh cho các công trình đang khai thác nước dưới đất; Trám lấp các giếng khoan không sử dụng | 2025-2030 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 5.000 |
| 9 | Xây dựng công trình thu gom nước mưa, nước mặt bổ sung cho nước dưới đất để cải thiện chất lượng nước bị ô nhiễm, tăng cường khả năng đáp ứng của nguồn nước cho các hoạt động dân sinh, phát triển kinh tế | 2025-2030 | NSNN | Sở TN&MT | UBND các huyện, thành phố | 5.000 |